

Ngày soạn: 03/04/2026

Ngày dạy:

Bài 9. TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG (14 tiết)

Tiết: 113,114

Văn bản 1.

TRI THỨC NGŨ VĂN TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

(Lạc Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...
- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân;

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh minh họa, đoạn phim ngắn nói về Trái Đất.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (3p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c) Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS nghe bài hát “Ngôi nhà chung của chúng ta” và đặt câu hỏi Bài hát gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Trong bài học này, chúng ta sẽ được cùng nhau tìm hiểu về Trái Đất – ngôi nhà chung của gần 8 tỉ người. Trái đất là hành tinh lí tưởng nhất cho sự sống của con người cho đến hiện nay nhưng con người đã làm gì để bảo vệ và giữ gìn mái nhà ấy. Đồng thời, chúng ta cũng được tìm hiểu về một thể loại văn bản mới.	HS suy nghĩ và trả lời dựa vào hiểu biết bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(12p)

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: <i>Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</i> - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. Gv chuẩn kiến thức:	1. Giới thiệu bài học - Chủ đề bài học: sự sống trong Trái đất và thái độ ứng xử cần có của chúng ta đối với Trái Đất. - Văn bản thông tin: một loại văn bản với những đặc điểm riêng về nội dung và hình thức.

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Hiểu được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + <i>VB có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của chúng ta?</i> + <i>Em đã nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của việc tổ chức đoạn văn khi thực hành viết một VB?</i> + <i>Theo em, có những loại văn bản nào</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Trong VB, giữa các đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ và tất cả đều hướng vào việc làm sáng tỏ chủ đề chung của VB. Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đầu VB; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc VB hoặc mở rộng, liên kết vấn đề. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + <i>VB thông tin gồm những yếu tố nào tạo nên?</i>	1. Văn bản - Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc... - Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản: + Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin + Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức. + Dựa vào hình thức: VB nói và VB viết 2. Đoạn văn trong văn bản - Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ. 3. VB thông tin - Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm....

+ Khi đọc một bài báo, em có đọc sa-pô không? Vì sao? Sa-pô của bài báo có thể giúp gì cho em trong việc lĩnh hội thông tin chính từ VB?

+ Các VB truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là VB thông tin không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Các yếu tố cấu thành: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm....

- Sa -pô là đoạn văn nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin nhằm mục đích giới thiệu, tóm tắt nội dung của văn bản.

Sa-pô giúp em nắm được thông tin tóm tắt của văn bản.

- Các văn bản truyện hay thơ thuộc văn bản văn học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ + Hãy nêu suy nghĩ của em khi so sánh một VB thông tin chỉ có kênh chữ với VB thông tin đa phương thức.

+ Trong giao tiếp thường ngày và trong khi đọc sách báo, em có hay chú ý đến những từ “lạ” không? Có phải tất cả những từ “lạ” ấy đều là từ mượn?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

4. VB đa phương thức

- Là văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh...

5. Từ mượn

- Là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác như tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Anh.

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: VB thông tin đa phương thức sẽ hấp dẫn hơn, trực quan, sinh động hơn vì ngoài kênh chữ còn có hình ảnh, kí hiệu, số liệu... Những từ lạ có thể là từ mượn hoặc từ mới xuất hiện Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(3p)

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: So sánh văn bản thông tin và VB đa phương thức?
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(3p)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: *Em hãy nêu vai trò của văn bản thông tin trong đời sống của con người?*
 - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Văn bản 1. TRÁI ĐẤT – CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG (Lạc Thanh)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được các thành phần của VB thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn (chứa đựng ý và dữ liệu), tranh ảnh,...
- HS nhận biết và phân tích được một cách triển khai VB: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo quan hệ nhân quả.
- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường sống trên Trái Đất.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TD.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu cả lớp cùng hát bài hát: <i>Trái đất này là của chúng mình</i> Gv đặt câu hỏi: 1. Bài hát gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? 2. Em hiểu thế nào về “sự sống muôn màu” HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của	- HS lắng nghe bài hát - Nêu cảm nhận về bài hát

bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Hàng ngày, chúng ta hít thở, uống nguồn nước mát lành từ lòng đất, ăn những trái cây thơm ngon từ thiên nhiên, Trái Đất giống như người mẹ hiền nuôi dưỡng, chở che cho muôn loài, Vậy TD có từ bao giờ? Sự sống tốt đẹp đã nảy nở như thế nào trên hành tinh xanh của chúng ta? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về Trái Đất – cái nôi của sự sống	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(50p)

Hoạt động 1: Đọc văn bản(10p)

- Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống thuộc thể loại văn bản nào? Tại sao em cho rằng như vậy? - GV hướng dẫn cách đọc: đọc to, rõ ràng, chậm rãi. Chú ý những chỉ dẫn bên phải văn bản. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: VB này thuộc văn bản thông tin vì có các yếu tố cấu thành văn bản gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm... Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Thể loại: Văn bản thông tin

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Khám phá văn bản(40p)

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lại kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>địa cực, tác nhân, hoá thạch, tuyệt chủng</i> - Gv yêu cầu HS chú ý một số từ mượn: e-lip, ô-dôn. - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc: + <i>Liệt kê những thông tin chủ yếu từ văn bản</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Phần sa-pô đã giới thiệu đến người đọc những nội dung nào?</i> + <i>Trong đoạn đầu tin, tác giả đã đề cập đến những thông tin nào về Trái Đất?</i> + <i>Em có nhận xét gì về những thông tin tác giả cung cấp?</i>	2. Đọc, tìm hiểu chú thích 3. Bố cục: 5 phần - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Vai trò của nước với sự sống trên Trái Đất - Sự sống phong phú trên Trái Đất. - Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ - Hiện trạng của TĐ II. Tìm hiểu chi tiết 1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời - Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời. - Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip - Nhận xét: các thông tin khoa học chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, số liệu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- Phần sa-pô: góp phần định hướng nội dung cho người đọc về vai trò của Trái đất với sự sống của muôn loài và nhận thức của con người về việc bảo vệ Trái đất.

Tác giả cung cấp cho người đọc các thông tin về Trái Đất

- Vị trí: TĐ là một trong 8 hành tinh của hệ Mặt Trời

- Có 2 chuyển động: quay quanh trục và quanh mặt trời.

- Quỹ đạo chuyển động: hình e-lip

→ thông tin ngắn gọn, số liệu chính xác

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt tiếp câu hỏi:

+ Trong phần 2, tác giả đã nói như thế nào về nước trên Trái Đất? Theo em, xem nước như “vị thần hộ mệnh” của sự sống có hợp lí không?

+ Giữa đoạn nói về nước với nhan đề của văn bản có mối liên hệ như thế nào? Liệu đoạn nói về nước có chi phối nội dung của đoạn văn tiếp sau đó không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Tác giả đã nói đến vai trò của nước – khiến cho cho TĐ trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo

xác thực → giúp người đọc có cái nhìn khái quát nhất về TĐ.

2. Trái Đất, sự sống của muôn loài

a. “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất

- Vai trò:

+ Nhờ có nước mà TĐ là nơi duy nhất có sự sống.

+ Nếu không có nước, TĐ chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi

- Nước bao phủ gần khắp bề mặt trái đất.

→ Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống.

- Đoạn văn đóng vai trò bản lề trong văn bản.

luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức và bổ sung:

Đoạn văn có vai trò như bản lề của văn bản, thống nhất với nhan đề của văn bản khi khẳng định Trái Đất là cái nôi của sự sống. Đồng thời, nó chi phối nội dung của các mục được triển khai tiếp theo.

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi :

- + *Sự sống trên TD phong phú như thế nào?*
- + *Bức tranh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*

- GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm về câu hỏi: *Hãy tìm thêm bằng chứng để chứng minh sự kì diệu của sự sống trên TD*

- GV gợi ý HS tìm thêm dẫn chứng theo các hướng: *động vật – thực vật, loài sống trên cạn – loài sống trên không – loài sống dưới nước; màu sắc – hình dáng – khả năng thích nghi – trí thông minh.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bức tranh minh họa đã làm nổi bật những ý đã triển khai ở phần chữ. Trong tranh xuất hiện nhiều loài sinh vật sống trên mặt đất và dưới nước → *Bức tranh giúp người đọc có được sự hình dung bao quát về không gian tồn tại của vạn vật trên hành tinh chúng ta.*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận.
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

b. Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài

- Trái Đất có muôn loài tồn tại, chúng sống khắp mọi nơi trên Trái Đất.
- + Có loài chỉ có thể quan sát bằng kính hiển vi; có loài lại có kích thước khổng lồ
- + Có loài sống dưới nước, có loài sống trên cạn, trên không.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>
Ghi lên bảng

- GV bổ sung: Như vậy, Trái Đất chính là ngôi nhà diệu kì, trở thành nơi trú ngụ của vô số các loài sinh vật sống.

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:

+ *Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống, tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*

+ *Theo em, điều gì tồn tại ở con người khiến con người được xem là đỉnh cao kì diệu? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể về cách Thương đế hay Chúa trời tạo ra con người?*

- GV gợi câu hỏi, HS tranh luận theo nhóm:
Em có đồng tình với ý kiến con người là “đỉnh cao kì diệu” của tác giả không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Tác giả khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ xuất phát từ góc nhìn văn hoá, từ những đóng góp của con người cho TĐ.

Tuy nhiên, con người cũng khai thác thiên nhiên bừa bãi, ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên TĐ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>
Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức và bổ sung:

Từ xa xưa, con người luôn ý thức và tìm về sự xuất hiện của mình trên TĐ. Như trong truyền thuyết *Adam và Eva*. Chúa trời tạo ra người nam là Adam, xong tạo thêm người nữ là Eva ở cùng với Adam cho đỡ buồn, rồi một

c. Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ

- Con người: có bộ não và hệ thần kinh phát triển, có ý thức, tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống, biết lao động cải tạo TĐ.

- Con người biết cải tạo Trái đất.
→ đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.

con rắn dụ dỗ hai người ăn trái Cấm, rồi sau đó họ sinh ra ba người con. Khi khoa học phát triển, con người đã tự chứng minh được sự phát triển, tiến hoá của loài người. Không những vậy, những thành tựu nghiên cứu của con người đã giúp TĐ ngày càng phát triển và văn minh hơn. Bởi những lẽ đó có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên TĐ.

Tuy nhiên, loài người ở một khía cạnh khác, con người tự cho mình là bá chủ của muôn loài, đã khai thác và tác động quá mức vào thiên nhiên như chặt phá rừng bừa bãi, săn bắn các loại thú quý hiếm khiến nhiều loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng. (GV cho HS quan sát thêm hình ảnh).

NV6

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS:

+ Mục 5 “Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?” thể hiện nội dung gì?

+ Tìm những chi tiết phản ánh hiện trạng của TĐ hiện nay?

+ Câu “TĐ có thể chịu đựng đến bao giờ?” mang sắc thái biểu cảm gì? Câu này xuất hiện có bất ngờ không? Vì sao?

+ Em có chia sẻ với nội dung tình cảm hàm chứa trong câu hỏi này không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Mục 5 thể hiện tình trạng hiện nay của TĐ rất đáng lo ngại do đang bị con người tàn phá.

+ Những chi tiết phản ánh: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng ozôn....

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

d. Hiện trạng của TĐ

- Tình trạng TĐ hiện nay rất đáng lo ngại: thiên nhiên bị tàn phá, nhiều loài thú bị giết vô tội, đại dương bị khai thác quá mức, biến đổi khí hậu, lỗ thủng tầng ozôn....

→ Con người sẽ phải chịu hậu quả từ thiên nhiên.

- Học cách có mặt trên hành tinh, trước hết con người phải biết chia sẻ những lo lắng, buồn vui cùng TĐ.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức và bổ sung: Trái Đất là ngôi nhà chung cho muôn loài nhưng với sự sinh sôi, phát triển nhanh chóng. Con người đã có mặt ở khắp nơi trên hành tinh này, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho mục đích sống của mình. Tuy nhiên sự khai thác quá mức khiến thiên nhiên bị tàn phá nặng nề và chính con người hiện nay đang phải chịu những hậu quả từ việc làm của mình gây ra: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao... Câu hỏi của tác giả như một lời cảnh báo tất cả nhân loại về ý thức, trách nhiệm của mỗi người khi cùng chung sống trên hành tinh này. Hãy trả lại cho TĐ màu xanh kì diệu, hãy để cho muôn loài cùng được chung sống hoà bình. Đó là thông điệp mà người viết muốn nhắn gửi tới người đọc. NV7 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: + Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức:	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: * <i>Nội dung:</i> Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của TĐ hiện nay. Qua đó nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. b. Nghệ thuật - VB đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của VB thông tin : nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(10p)

- Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:**
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.

Câu 1: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, Trái Đất nằm trong?

A. Hệ Mặt Trời

B. Dải Ngân Hà

C. Tự nhiên

D. Vũ trụ

Câu 2: Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống thuộc thể loại?

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nghị luận

C. Tiểu thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 3: Đây là phương thức biểu đạt chính của văn bản Văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống?

A. Tự sự

B. Thuyết minh

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 4: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, tác giả đã khẳng định Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống

Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 5: Theo văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, “vị thần hộ mệnh” mà tác giả nhắc tới là?

A. Nước

B. Sông

C. Mặt trăng

D. Mặt trời

Câu 5. Tìm những thông tin chủ yếu được đề cập tới trong văn bản Trái Đất- cái nôi của sự sống

A. Trái đất là một trong những hành tinh của hệ Mặt Trời

B. Nước là " vị thần hộ mệnh " của sự sống trên Trái Đất, thúc đẩy quá trình tiến hóa của các vật chất.

C. Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người.

D. Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.

E. Trái Đất đang ngày càng bị tàn phá bởi hành động vô ý thức của con người. F. Giải thích nguồn gốc hình thành Trái Đất. Câu 6. Trái Đất- cái nôi của sự sống là một văn bản thông tin vì có A. Nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn văn, tranh ảnh,... B. Luận điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng,... C. Từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc, ... D. Nhân vật, sự việc, tình huống, cốt truyện,... Câu 7. Có thể khẳng định nước là "vị thần hộ mệnh" của sự sống trên Trái Đất vì A. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành nơi duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời B. Nước là dạng vật chất tồn tại duy nhất trên Trái Đất. C. Nước đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. D. Nước xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất. Câu 8. Đoạn văn "trong số muôn loài tồn tại trên Trái Đất... quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn" cho thấy muôn loài trên Trái Đất có vẻ đẹp A. Lung linh, huyền ảo B. Phong phú, đa dạng, kì thú C. Hùng vĩ, dữ dội D. Rực rỡ, tráng lệ. Câu 9. Lựa chọn nào dưới đây không đúng để khẳng định rằng con người chính là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất? A. Con người là động vật bậc cao, có não bộ và hệ thần kinh phát triển nhất. B. Con người có ý thức và tình cảm, có ngôn ngữ và biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực. C. Con người cải tạo Trái Đất , khiến Trái Đất "người" hơn, thân thiện hơn nhưng cũng tác động tiêu cực đến quá trình tồn tại và phát triển của Trái Đất. D. Con người là thực thể duy nhất tồn tại trên Trái Đất. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở - HS thực hiện nhiệm vụ; Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi	
--	--

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG(5p)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS
d. Tổ chức thực hiện:
- GV yêu cầu HS: Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) với chủ đề: **Để hành tinh xanh mãi xanh...**

GV có thể đưa ra những gợi ý qua những câu hỏi: Tại sao TĐ được gọi là hành tinh xanh? Từ “xanh” vốn chỉ màu đã được chuyển nghĩa như thế nào trong trường hợp này? Có thể diễn đạt lại yêu cầu viết như sau: Làm thế nào để TĐ luôn đẹp tươi và sự sống không ngừng tiếp diễn.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của một vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Thực hành Tiếng Việt

*Rút kinh nghiệm

Tiết 115

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.
- HS thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá...) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG(5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>Từ đầu chương trình lớp 6, chúng ta đã được học nhiều văn bản. Hãy kể tên những văn bản mà em đã học? Trong các văn bản ấy, em thấy ngoài yếu tố ngôn ngữ còn có yếu tố nào khác không?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv dẫn dắt: Những văn bản chúng ta đã học từ đầu chương trình lớp 6 đến nay có cả văn bản truyện, thơ, kí.... Vậy Văn bản được phân loại như thế nào? Đặc điểm của văn bản và vai trò của các đoạn văn trong văn bản ra sao? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.	HS huy động kiến thức đã có và kể tên, nêu hiểu biết của mình về văn bản.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(25p)

Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm, các chức năng của văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS theo dõi SHS, nhắc lại khái niệm văn bản. - GV đặt tiếp câu hỏi: <i>Qua văn bản Trái Đất – cái nôi của sự sống, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	Văn bản - VB là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc.. Bài 1/ trang 81 Các bằng chứng cụ thể để khẳng định Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản: - Là một văn bản tồn tại ở dạng viết. - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông

luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV củng cố kiến thức:	tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ. - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay.
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: + <i>Căn cứ vào những yếu tố nào để phân loại văn bản? Có những loại văn bản nào</i> + <i>VB Trái Đất – cái nôi của sự sống thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của VB?</i> + <i>Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: * Phân loại: - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó. * Liệt kê các bộ phận cấu tạo của văn bản: - Nhan đề - Sa-pô - Đề mục - Các đoạn văn - Tranh minh hoạ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của	Phân loại: - Dựa vào sự có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ: văn bản thông thường, văn bản đa phương thức - Dựa vào những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. - Căn cứ vào chức năng chính của văn bản để xác định được loại văn bản đó. Bài 2/Trang 81 VB <i>Trái Đất – cái nôi của sự sống</i> thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. các bộ phận cấu tạo của văn bản: - Nhan đề - Sa-pô - Đề mục - Các đoạn văn - Tranh minh hoạ

bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng:	
NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.	- Các thông tin trong văn bản phải tập trung vào một chủ đề, chứa thông điệp và có ý nghĩa. Bài 3/Trang 81 VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính. - Thông tin từ văn bản: + Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống. + Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái đất được duy trì, phát triển phong phú. + Trái đất là nơi cư trú của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao. + Con người trên Trái đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi + Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cấp thiết và cấp bách.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP(10p)

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 4 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS: kẻ bảng và thống kê - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi	Bài tập 4/ trang 82

Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng			
Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản
Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài)	Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng)	Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu	Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Giả sử VB vừa học cần được bổ sung thêm một số đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó được đặt trong văn bản?

Gv hướng dẫn: Có thể bổ sung thêm đoạn văn *Những việc nhân loại cần làm* để bàn về những biện pháp con người có thể làm để bảo vệ và giữ gìn hành tinh xanh. Yêu cầu HS hãy triển khai đoạn văn với đề mục như trên

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Các loài chung sống với nhau như thế nào.

***Rút kinh nghiệm**

.....

.....

Tiết 116,117

VĂN BẢN 2. CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO? (Giọng-mi Mun)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hs nhận biết vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- HS nhận biết được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Các loài cùng chung sống với như thế nào?*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt cho HS câu hỏi: 1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên? Em yêu thích chương trình nào nhất? HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	- HS kể ngắn gọn những chương trình đã xem, ví dụ như: khám phá động vật, thế giới quanh em... và nêu suy nghĩ về chương trình mà HS yêu thích.

+ HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để TĐ có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70p)

Hoạt động 1: Đọc văn bản (15p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Văn bản Hai loại khác biệt thuộc thể loại nào? + Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó - GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay thống kê số liệu. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận. - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: <i>tiến hoá, quần xã, kí sinh</i>. - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung - Thể loại: Văn bản thông tin

Hoạt động 2: Khám phá văn bản (55p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:	2. Đọc- kể tóm tắt 3. Bố cục: 3 phần - Đoạn 1: từ đầu => <i>tồn thương của nó</i>: đặt vấn đề (đời sống của muôn

+ <i>Bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS có thể chia theo 8 đoạn ngắn để phân tích. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Có thể phân tích văn bản theo hướng tách nhỏ các đoạn văn. Tuy nhiên, chúng ta có thể phân theo bố cục 3 phần để thấy được tính chỉnh thể của văn bản. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: - GV đặt câu hỏi: + <i>Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này theo em có tác dụng gì?</i> + <i>Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để nói về vấn đề mà tác giả muốn đề cập → đời sống của muôn loài trên TD và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó. => Các vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới. - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	loài trên TD và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó) - Đoạn 2: <i>Tiếp => đẹp đẽ này</i>: Nội dung chính (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TD). - Đoạn 3: <i>Phần còn lại</i> : Kết luận vấn đề): Kết luận vấn đề II. Tìm hiểu chi tiết 1. Đặt vấn đề - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó. → Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên.
--	--

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng
 GV chuẩn kiến thức: Cách vào đề bằng việc đưa ra dẫn chứng từ một bộ phim hoạt hình kết hợp với cảm xúc của tác giả đã làm “mềm” đi sự khô khan thường có của VB thông tin. Đồng thời, vấn đề của tác giả đặt ra cũng là nỗi lo chung của toàn nhân loại khi nhiều loài sinh vật trên TĐ ngày càng bị con người tiêu diệt, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng. Vậy vấn đề đó tác giả đã triển khai ra sao?

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi:

- + Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?
- + Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?

GV đặt tiếp câu hỏi tìm hiểu đoạn (3)

Hãy quan sát ảnh minh họa và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:

- + Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?

Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?

- + Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- + Dẫn chứng: 1.400.000 loài, hơn 300.000 loài thực vật và 1.000.000 loài động vật.

→ sinh vật đa dạng và phong phú

- + Các loài sinh vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.

- + Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố : sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường...

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận

- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

2. Thông tin chính của văn bản

a. Sự đa dạng của các loài

- Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.
- Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.
- Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.

- Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.

- Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng
GV chuẩn kiến thức: Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.

NV4:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi :

+ Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?

+ Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?

+ Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- GV bổ sung: Như vậy, mỗi quần xã sẽ tìm cách tự cân bằng chính nó

NV5

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:

+ Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Con người có nhiều sáng tạo vô

b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài

- Biểu hiện :

+ Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã : loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng...

+ Sự phân bố các loài trong không gian sống chung : theo chiều thẳng đứng, chiều ngang

→ nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất.

- Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ.

c. Vai trò của con người trên TD

tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp, tác động nhiều tới môi trường tự nhiên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trên TD này, Tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủ trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can thiệp một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu ngược lại tới sự sống trên hành tinh của chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TD.

NV7

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì ?

+ Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc ?

+ Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng

→ đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ, chịu tác động xấu từ con người.

3. Kết thúc vấn đề :

- Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TD.

GV chuẩn kiến thức: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gọi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”.

NV8

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Văn bản có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

II. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

* Nội dung: Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TD và trật tự trong đời sống muôn loài.

* Ý nghĩa: VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TD.

b. Nghệ thuật

- Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.

- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10p)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: Qua văn bản, theo em, con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?

GV sử dụng Slide trình chiếu một số hình ảnh về những tác động của con người đến môi trường: phá rừng, săn bắt động vật hoang dã....

GV gợi ý: HS thảo luận theo nhóm và chỉ ra: những can thiệp tiêu cực của con người và những nỗ lực duy trì, phát triển sự sống đa dạng trên TD. Yêu cầu HS đưa ra những dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.*

GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Thực hành Tiếng Việt.

***Rút kinh nghiệm**

Tiết 118

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.
- Hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.
- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: Ở các cửa hàng thời trang, người ta thường sử dụng vật dụng gì để trưng bày quần áo? Ngoài những tên gọi trên, chúng ta còn dùng tiếng nước ngoài để gọi tên chúng? Em hãy chỉ ra các tên gọi đó? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	

+ HS nghe và trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV dẫn dắt: Những tên dùng gọi các đồ vật trên là loại từ nào, nguyên tắc sử dụng chúng ra sao, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.



HS trả lời: ma-nơ-canh

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10p)

Hoạt động 1: Hiện tượng vay mượn từ, từ mượn và việc sử dụng từ mượn

a. Mục tiêu: Hiểu được cách xác định các từ mượn và nguồn gốc của từ mượn.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 : Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS, hãy cho biết: <i>Từ mượn là gì? Từ mượn có nguồn gốc từ đâu?</i> - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện nhiệm vụ Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.	I. Từ mượn - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác. - Từ vay mượn tiếng Hán - Từ mượn ngôn ngữ châu Âu được việt hoá gần như hoàn toàn: cà phê, cà vạt, sấm, lớp - Từ mượn được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, giữa các âm có gạch nối - Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe.
GV yêu cầu HS quan sát câu văn trong VB “Các loài chung sống với nhau như thế nào?” Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau. GV đặt câu hỏi: Dựa vào chú thích của bài và	

hiểu biết của bản thân, hãy giải thích nghĩa từ: đối kháng, kí sinh

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (25p)

- a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.
b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bài tập 1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. GV hướng dẫn HS làm lần lượt từng ý. GV lưu ý HS rằng nhiều yếu tố Hán Việt có khả năng hoạt động rất cao, thường được dùng để tạo ra những từ ghép mới. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm bài tập 2. GV hướng dẫn HS thảo luận, nêu nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận	II. Luyện tập Bài 1/trang 86 a. Các từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, công nghiệp, băng, không khí, ô nhiễm. Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa. Các từ vay mượn tiếng Anh: ô-dôn. Từ có gạch nối giữa các âm tiết. b. Từ ô-dôn tạo cảm giác về từ mượn rõ nhất. Vì đây là một thuật ngữ khoa học, có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt. c. - Không: không trung (khoảng không gian trên cao), không gian (là khoảng không mở rộng theo ba chiều cao, dài, rộng), không quân (một quân chủng hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời quốc gia) - nhiễm: lây nhiễm (chỉ sự truyền lan của bệnh hoặc thói xấu nào đó), truyền nhiễm (lây lan của dịch bệnh), nhiễm khuẩn (chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể) Bài 2/ trang 86 - Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV bổ sung: vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Hán (trước đây) và tiếng Pháp, tiếng Anh (sau này). Khi nhập vào tiếng Việt, các từ mượn đã được Việt hoá ở những mức độ khác nhau và quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Nhờ việc chủ động vay mượn từ, tiếng Việt luôn phát triển, trong khi vẫn bảo lưu được những nét tinh túy vốn có của mình. NV3: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3. - GV hướng dẫn HS làm bài: lựa chọn những từ ngữ trong tiếng Việt có khả năng thay thế cho những từ mượn không cần thiết trong câu văn. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, người đọc và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.	Bài 3/ trang 87 Có thể diễn đạt lại: <i>Người hâm mộ</i> thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy <i>thần tượng</i> của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống <i>sân bay</i>.
---	--

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5p)

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu HS: làm thêm 1 số bài tập

Bài tập 1

Đọc câu văn sau đây và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.

(Ngọc Phú, trích *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*)

Bài tập 2

Viết một đoạn tin nhắn đăng kí mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Trái đất

*Rút kinh nghiệm

.....

Tiết 119,120

VĂN BẢN 3. TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nét khác biệt giữa Vb văn học với Vb thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.
- Nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

*Lồng ghép giới

Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện: 5p

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ + GV đặt câu hỏi khơi gợi vấn đề bằng các câu hỏi: <i>Em đã từng biết những cách ví von nào về Trái Đất? Vì sao có những điểm khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng? Riêng em, em thích hình ảnh so sánh nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá. GV dẫn dắt: Với mỗi người, Trái Đất mang một dáng hình khác nhau. Vậy với tác giả Gam-da-tốp, ông đã nhìn nhận về Trái Đất như thế nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	- HS chia sẻ những hiểu biết của mình: Trái Đất là người bạn, là mẹ hiền....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 15'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả qua phần sau khi đọc. - GV hướng dẫn cách đọc: chú ý giọng đọc thích hợp: có đau xót, phần nộ, có thương xót, dịu dàng. Đề lặt tả được những tình cảm chứa đựng trong bài thơ, cần chú ý đến hệ thống đại từ nhân xưng đã được sử dụng. - GV đọc mẫu và gọi 1-2 HS đọc lại.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - tác phẩm 2. Đọc 3. Bố cục - Khổ 1: - Khổ 2:

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện: 55'

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: + <i>Những cách hành xử nào đối với TĐ được nhắc tới trong khổ thơ? Chúng có điểm gì chung với nhau?</i> + <i>Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: + Các hành xử với TĐ được nhắc tới: xem TĐ là quả dưa, bỏ cắn thành muôn mảnh; xem TĐ là quả bóng để giành giật, lao vào, đá đá. + Điểm chung: đều đối xử rất thô bạo, tàn nhẫn với TĐ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: Qua khổ thơ, tác giả đã sử dụng nghệ thuật so sánh để khắc hoạ hình ảnh Trái đất trong số đông loài người là vô cùng nhỏ bé, tầm thường, như quả dưa có thể bỏ ăn, như trái bóng có thể giành giật, tranh đá. Các động từ mạnh liên	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Khổ 1 - Cách nhìn nhận về TĐ: quả dưa, quả bóng - Cách đối xử với TĐ: bỏ, cắn, giành giật, đá → Con người đã nhìn nhận TĐ như một vật sở hữu vô tri vô giác và cư xử một cách bạo ngược, ngu dốt

tiếp đã lột tả cái nhìn thiên cận, hành động bạo ngược của loài người. Trái Đất đã cho họ sự sống, nuôi dưỡng con người qua từ biết bao đời nay. Khổ thơ cũng đã thể hiện được thái độ của tác giả với cách gọi về những kẻ đối xử thô bạo (bọn, họ, lũ) và gọi TĐ là người, có cảm xúc và suy nghĩ như đồng loại.

Lòng ghép giới: *Con người nên nhận thức được hành động của của bản thân, biết kiềm chế những hành động làm tổn thương người khác.*

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi:

+ Nhà thơ đã hình dung ra TĐ như thế nào? đối xử và xưng hô ra sao với Trái Đất?

+ Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?

+ Từ đó, rút ra nhận xét về thái độ của nhà thơ với TĐ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Có thể có nhiều lí do:

+ Nhà thơ gọi TĐ là “người”, hình dung ra TĐ với khuôn mặt thân thương, có những giọt nước mắt và vết thương đầy mình.

+ Tác giả đã an ủi, cất tiếng hát xoa dịu nỗi đau

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

NV3:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt tiếp câu hỏi:

+ Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử của TĐ ở hai khổ thơ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Có sự đối lập trong cách hình

2. Khổ 2:

- Xưng hô với TĐ là “người”: thể hiện thái độ trân trọng

- Hình dung về TĐ: gương mặt thân thương, giọt nước mắt rơi và máu chảy.

- Biện pháp nghệ thuật hoán dụ: nước mắt – tượng trưng cho những nỗi buồn, máu – tượng trưng cho những đau đớn, tổn thương mà TĐ phải chịu đựng, trải qua.

- Hành động của tác giả: an ủi, cảm thông, chia sẻ.

→ Tác giả đã cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với người bạn Trái Đất.

- Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách cư xử của loài người với chính hành tinh nơi mình sinh sống.

dung và thái độ cư xử với TĐ ở hai khổ thơ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

Gv chuẩn kiến thức: Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách nhìn nhận, ứng xử của loài người với TĐ.

- + Khổ 1: TĐ là vật sở hữu vô tri vô giác, là miếng ăn miếng ,mồi béo bở và con người đã cư xử thô bạo, tàn nhẫn, thiếu nhân văn.
- + Khổ 2: TĐ được hình dung như một con người có cảm xúc, là một số phận đau khổ, TĐ là đối tượng cần được sẻ chia, yêu thương và con người cần cư xử nhân văn, hiểu biết.

NV4

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

III. Tổng kết

1. Nội dung – Ý nghĩa:

- Nội dung: Bài thơ nói về cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.

- Nhấn nhủ con người cần nhìn nhận, cư xử với TĐ như những người bạn

2. Nghệ thuật

- Nghệ thuật so sánh, nhân hoá đặc sắc, giọng điệu cảm thông, thương xót, ngôn ngữ giản dị mà thâm thúy, sâu sắc.

- Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã làm nổi bật chủ đề, nói lên thông điệp của tác giả muốn gửi gắm.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

1. Điểm chung về nội dung: sự lo lắng, xót xa, ưu tư về tình trạng hiện thời của TĐ, đều khẳng định sự cần thiết của việc chung tay bảo vệ sự sống trên TĐ.

2. Điểm khác của bài thơ: hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng so sánh bất ngờ và ý nghĩa triết lí thâm trầm.

d. Tổ chức thực hiện: 5'

- GV yêu cầu HS:

1. Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Gam-da-tốp với hai văn bản TĐ – cái nôi của sự sống và Các loài chung sống với nhau như thế nào?

2. Cùng đưa ra thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, để lau nước mắt và “rửa sạch máu” cho TD, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận

***Rút kinh nghiệm**

Tiết 121,122,123. **Viết**

VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ý nghĩa, vị trí riêng của văn bản nhật dụng trong đời sống và biết cách viết một biên bản họp thức về một cuộc họp.

- Tầm quan trọng của kỹ năng tóm tắt văn bản phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích lũy tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản đã đọc.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa câu hỏi gợi mở: <i>Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa? Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết...</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vào bài:</i> Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu hai nội dung Trong đời sống, chúng ta có thể gặp phải tình huống viết biên bản cho những cuộc họp, cuộc thảo luận. Do đó, chúng ta cần phải biết cách viết một biên bản. Đồng thời, với nhiều kiến thức phải nhớ, phải thuộc, chúng ta thường phải làm việc quá tải với nhiều tài liệu phải xử lý. Vì vậy, một giải pháp đơn giản mà hiệu quả, đó là tóm tắt VB bằng một sơ đồ.	- HS có thể kể ra một số biên bản: biên bản cuộc họp chi đội, biên bản kỉ luật, biên bản xếp loại thi đua....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (75p)

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với biên bản và bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản (20p)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với biên bản và cách tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Thể thức của biên bản thông thường trong SHS và trả lời câu hỏi: + Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chuẩn mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu yêu cầu 1. Yêu cầu đối với biên bản <i>Thể thức của biên bản thông thường:</i> - Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lý vụ việc. - Dưới từ “Biên bản”, ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lý, làm thành tên gọi của biên bản. - Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lý vụ việc,... - Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí. - Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận). - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc. - Người chủ trì và thư kí (tuỳ trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên. 2. Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản - Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản. - Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản. - Bảo đảm tính trực quan, thẩm mỹ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ.
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ trong SHS và trả lời câu hỏi: + Một VB tóm tắt phải như nào để có thể được gọi là đạt/ tốt? - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện	

nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo (20p)

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của một biên bản và cách tóm tắt nội dung bằng sơ đồ.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh” - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau: + <i>Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.</i> + <i>Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?</i> + <i>Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?</i> + <i>Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?</i> + <i>Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. - GV lưu ý: Biên bản tham khảo trong bài	II. Phân tích bài viết tham khảo 1. Biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh” - Biên bản đã tuân thủ thể thức biên bản. - Biên bản phải có đủ tên gọi, ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, thư kí nhằm xác định rõ nội dung, thời gian và địa điểm diễn ra, thành phần cuộc họp. - Nội dung ghi chi tiết, cụ thể: diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lý vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra. - Cuối biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí nhằm xác nhận lại những nội dung đã ghi trong biên bản là chính xác. - Ngôn ngữ: chuẩn mực, rõ ràng

thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn, do phải tuân thủ Nghị định của Chính phủ về vấn đề này.

NV2:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc lại VB VB Trái Đất – cái nôi của sự sống và xem sơ đồ tóm tắt.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:

+ Là người đã đọc, đã học VB, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong VB chưa?

+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ ưu điểm, nhược điểm gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

=> Ghi lên bảng.

2. Sơ đồ tóm tắt nội dung VB Trái Đất – cái nôi của sự sống

Sơ đồ tóm tắt đã bảo đảm được các yêu cầu:

- Tính trực qua
- Tính lo-gic, khoa học
- Tính khái quát
- Tính thẩm mỹ

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước (35p)

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết biên bản và tóm tắt sơ đồ VB

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích. - GV có thể đưa ra yêu cầu biên bản. VD: <i>Hãy viết biên bản cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động ngày 8/3 của lớp 6A.</i>	III. Các bước tiến hành 1. Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận Trước khi viết - Hình dung lại cuộc họp được ghi biên bản.

- GV hướng dẫn HS đọc phần trước khi viết, viết biên bản và chỉnh sửa biên bản. Sau khi các em nắm rõ vấn đề, sẽ bắt tay vào viết - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. NV2: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn HS đọc quy trình thực hành tóm tắt VB bằng sơ đồ qua ba mục: trước khi tóm tắt, Tóm tắt, Chỉnh sửa. - GV đưa ra nội dung cần tóm tắt. VD Tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về vòng đời bất tận (đoạn đầu VB <i>Các loài chung sống với nhau ntn?</i>) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc, có thể nêu những băn khoăn, đề xuất. HS thực hành viết Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	- Xác định tên gọi của biên bản, lựa chọn nội dung cho biên bản sắp viết. Viết biên bản Chỉnh sửa bài viết 2. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản Trước khi tóm tắt - Xác định đúng nội dung cốt lõi và hệ thống ý triển khai nội dung. - Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi - Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá Tóm tắt - Vẽ các hình cụ thể chứa từ khoá - Sắp xếp các hình theo trật tự thích hợp - Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau. Chỉnh sửa
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (5p)

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết biên bản và tóm tắt sơ đồ, bám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;

- Chuẩn bị cho tiết học sau: Nói và nghe

***Rút kinh nghiệm**

Tiết 124,125. **Nói và nghe**

THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS đề xuất giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, trên tinh thần mong muốn chất lượng cuộc sống của chính bản thân và của cả cộng đồng phải được cải thiện.

- HS biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh, video về ô nhiễm môi trường

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi mở: <i>tại địa phương nơi em đang sinh sống có xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở đâu không? Nếu hiện trạng cụ thể? Em đã đề ra các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đó và góp ý cho chính quyền, người dân khu vực chưa?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt vài bài: <i>Do dân số tăng nhanh nên tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ở các đô thị nước ta ngày càng gia tăng và trở nên nghiêm trọng hơn. Mỗi công dân cần thể hiện ý thức, trách nhiệm đóng góp các giải pháp nhằm khắc phục hiện trạng đó. Vậy khi thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, chúng ta cần nói như thế nào để đạt được hiệu quả?</i>	HS có thể nêu hiện trạng ô nhiễm: nước sông ô nhiễm, rác thải vứt bừa bãi,.....

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (75p)

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói (20p)

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NVI Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe. - GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất? - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi	1. Chuẩn bị bài nói a. Xác định mục đích nói và người nghe - Mục đích: chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người quan tâm đến vấn đề môi trường.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Mục đích của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm một giải pháp tối ưu, khả thi, có thể thực hiện ngay để cải thiện tình hình. Người nghe lúc này là người có chung mối quan tâm và mong muốn được cùng ta thảo luận về vấn đề.

NV2

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS theo dõi nội dung SHS và trả lời câu hỏi: *Hãy nhắc lại những đòi hỏi có tính nguyên tắc của việc tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường?*

- GV cho HS thảo luận và nêu ra những biểu hiện cụ thể của tình trạng ô nhiễm môi trường tại địa phương. Sau đó, sẽ chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm thảo luận về một biểu hiện cụ thể là đưa ra những giải pháp khắc phục:

- + Nhóm 1: Rác thải vứt bừa bãi
- + N2: cống rãnh tắc nghẽn, nước sông ô nhiễm
- + N3: Vật liệu xây dựng ngổn ngang
- + N4: Ổ gà, ổ voi, nước đọng trên đường.

- Các nhóm luyện nói theo các chủ đề đã xác định, thống nhất nội dung (thời gian: 7 phút)

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận, trả lời các câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

Hoạt động 2: Trình bày bài nói (55p)

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói. Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	2. Trình bày bài nói - Cần tuân thủ theo các yêu cầu chung: nội dung, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, thời gian nói. - Về mặt nội dung cần chú ý: + Mở đầu + Triển khai + Kết luận

Hoạt động 2: Trao đổi về bài nói (10p)

- a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem kĩ bảng yêu cầu trong SHS để nắm được những đòi hỏi cơ bản với người nghe, người nói, trước khi thực hiện việc trao đổi ý kiến - Sau mỗi lượt HS trình bày về vấn đề khắc phục ô nhiễm. Người nghe sẽ trao đổi lại ý kiến, đề xuất. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thực hiện đánh giá theo phiếu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Đưa ra những giải pháp tối ưu cho việc giải quyết tình trạng ô nhiễm.	3. Trao đổi về bài nói

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (5p)

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5p)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS vận dụng, đưa ra những giải pháp khắc phục ô nhiễm
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Củng cố, mở rộng

***Rút kinh nghiệm**

Tiết 126

THỰC HÀNH ĐỌC, ĐỌC MỞ RỘNG

I. MỤC TIÊU

1. kiến thức

- Trình bày được một số yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB. Trong bài 8. *Khác biệt và gần gũi* và bài 9. *Trái Đất – ngôi nhà chung*.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh nhận thấy được vai trò của Trái Đất với con người và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ ngôi nhà chung của TĐ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về truyện
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: chuẩn bị các VB cùng loại (VB nghị luận hoặc VB thông tin) hoặc cùng chủ đề.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5p)

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: <i>Qua các tiết học bài 8, bài 9, các em đã sưu tầm và tìm đọc thêm được những văn bản nào? Cảm xúc của em khi đọc những tác phẩm đó?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + <i>GV dẫn dắt:</i> Nếu như bài 8, các em được tìm hiểu về những văn bản nghị luận, bàn về một vấn đề mà chắc hẳn tất cả chúng ta đều quan tâm, đó là sự gần gũi cũng như sự khác biệt cần có ở mỗi người. Thì bài 9 đã đưa chúng ta đến một thể loại văn bản cũng như chủ đề rất hữu ích và thiết thực với cuộc sống hiện nay, đó là VB thông tin với những nội dung về Trái Đất và sự sống muôn loài. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu mở rộng về những VB thuộc hai chủ đề này.	- HS chia sẻ về những văn bản đã tìm đọc thêm được.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (5p)

Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc (15p)

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV nhắc lại các đặc điểm của VB nghị luận - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề	I. Văn bản nghị luận

+ VB này đề cập đến vấn đề gì? + Người viết có ý kiến như thế nào về vấn đề được nêu trong VB? + Hãy nêu những lí lẽ và bằng chứng mà người viết đã sử dụng trong VB? - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
NV2 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV nhắc lại những đặc điểm của VB thông tin - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và giới thiệu với cả lớp theo các vấn đề + Nội dung cơ bản của văn bản thông tin là gì? + Mỗi đoạn văn trong VB có nội dung gì? + VB được triển khai theo quan hệ nhân quả, theo trình tự thời gian hay theo cách nào khác? + VB có nhan đề, sa-pô, đề mục, hình ảnh, số liệu hay không? Những yếu tố đó có tác dụng gì? - HS lắng nghe. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	2. VB thông tin

Hoạt động 2: Trình bày kết quả tự đọc (10p)

a. Mục tiêu: Hiểu được đặc trưng thể loại, nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông	2. Trình bày kết quả

tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung.	
--	--

Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc (5p)

- a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm, trao đổi cho nhau những hiểu biết.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi bảng GV chuẩn kiến thức: Phần chữ in đậm là những khái quát nội dung được triển khai trong văn bản. Khi đọc cần chú ý để không bỏ sót nội dung.	3. Nhận xét, rút kinh nghiệm

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. Sản phẩm học tập:**
- d. Tổ chức thực hiện: 5'**
- GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin và văn bản nghị luận ?
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện: 5'**

- GV yêu cầu HS: Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. GV đọc nhanh kết quả bài viết của một vài HS, nêu nhận xét ngắn gọn và định hướng cách chữa cho tất cả HS.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
- Chuẩn bị cho tiết học sau: Bài 10. Văn bản 1. Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách.

*Rút kinh nghiệm

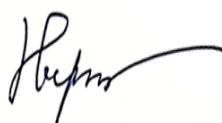
.....

.....

.....

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG

GVBM



Ký bởi: NGUYỄN THỊ NGÀ
Thời gian ký: 06/04/2026 06:56:37
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

Nguyễn Thị Nga



Ký bởi: NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Thời gian ký: 04/04/2026 15:55:24
Tổ chức xác thực: Viettel-CA RS

Nguyễn Thị Hương

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 08:30 07/04/2026
bởi Nguyễn Thị Hương (badong_huongnguyen) – TRƯỜNG THCS BA ĐỘNG